

Bản án số: **34/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 29/7/2022

“V/v Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Dự và ông Trần Văn Nghi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Doan, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 74/2022/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022 về “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy V, sinh năm 1994; ĐKKHKT: Xóm 2, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Hiện trú tại: xóm 11, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình – có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1993; ĐKKHKT và trú tại: Xóm 2, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy V trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Chị và anh Trần Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H tháng 01 năm 2015 là quê của anh T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống xóm 2, xã H, huyện K. Vợ chồng đã có thời gian chung sống hòa thuận sau đó phát sinh mâu thuẫn, vì mâu thuẫn chị và Trần Văn T đã sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay.

Theo chị V thì nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp bất đồng quan điểm, anh T không tu chí làm ăn, mãi chơi game, cờ bạc. Chị và gia đình hai bên đã giải thích, khuyên giải để vợ chồng chung sống cùng nuôi dạy con cái nhưng anh T không thay đổi, do vậy, cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau. Vì không thể chịu đựng được,

chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xóm 11, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình sinh sống từ đầu năm 2019 đến nay, từ đó vợ chồng chị sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về chung sống với nhau được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là **Trần Nguyễn Hoài A sinh ngày 16/5/2015**. Hiện con chung đang do chị chăm sóc nuôi dưỡng, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T đóng góp tiền nuôi con cho chị.

Về tài sản: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc không thể tham gia phiên tòa, chị Nguyễn Thị Thúy V có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Trần Văn T tại văn bản trình bày ý kiến ngày 27/6/2022 trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Thúy V sinh năm 1994; Nơi ĐKHKTT: Xóm 2, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Hiện ở: Xóm 11, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình có đăng ký kết hôn với nhau năm 2015 tại UBND xã H, huyện K. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình, lối sống không hợp nhau. Vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, vì vậy khi nói chuyện thường xảy ra cãi vã nhau. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vì vậy chị V đã về nhà bố mẹ đẻ, từ đó anh và chị V sống ly thân nhau từ năm 2019 đến nay không ai còn quan tâm đến ai nữa. Anh cũng đã nói chuyện để vợ chồng về đoàn tụ bỏ qua những mâu thuẫn nhưng không được. Nay chị V có đơn đề nghị Toà án giải quyết ly hôn với anh. Anh và chị V cũng đã sống ly thân nhau mấy năm nay, chị V lại cương quyết ly hôn nên anh giải thoát cho chị V. Anh và chị V không còn tình cảm với nhau nên anh đồng ý ly hôn để đôi bên ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh T xác định vợ chồng có 01 con chung là Trần Nguyễn Hoài A sinh ngày 16/5/2015, hiện đang ở với chị V khi ly hôn anh nhường quyền nuôi con cho chị V và không phải đóng góp tiền nuôi con cho chị V do công việc của anh không ổn định, thu nhập thấp, khi nào thu nhập ổn định anh sẽ có trách nhiệm với con.

Về tài sản: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Toà án giải quyết.

Do anh bận công việc phải làm ca nên không thể đến Tòa án để làm việc, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử được nên anh xin vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và phiên tòa xét xử.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng: nguyên đơn và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của BLTTDS

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14

Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Thúy V và anh Trần Văn T; giao chị Nguyễn Thị Thúy V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của vợ chồng là Trần Nguyễn Hoài A sinh ngày 16/5/2015 đến khi thành niên; anh Trần Văn T không phải đóng góp tiền nuôi con cho chị V;

Chị Nguyễn Thị Thúy V phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Thúy V khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với anh Trần Văn T, cư trú tại xóm 2, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K. Bị đơn anh Trần Văn T đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thúy V và anh Trần Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND xã H, là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ; sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận một thời gian thì mới phát sinh mâu thuẫn.

Về phía chị V xác định mâu thuẫn vợ chồng là do anh T nghiện game, cờ bạc, không tu chí làm ăn, không quan tâm, chăm sóc vợ con chăm lo kinh tế gia đình.

Về phía anh T xác định mâu thuẫn là do tính tình, lối sống không hợp nhau. Vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, vì vậy khi nói chuyện thường xảy ra cãi vã nhau.

Bên cạnh đó về phía gia đình anh T, ông H bỏ để anh T cho biết nguyên nhân mâu thuẫn do chị V hay ghen tuông và không tin tưởng về mặt tình cảm nên vợ chồng không có tiếng nói chung, hay xảy ra cãi vã nhau, vợ chồng giận nhau chị V đưa con bỏ về nhà bố mẹ để ở. Từ ngày chị V về làm dâu nhà ông cũng chưa chăm lo, làm tròn phận làm dâu trong gia đình, nhưng do các anh chị còn trẻ nên vợ chồng ông bỏ qua. Chị V mấy năm nay đưa con về nhà bố mẹ để sinh sống không quan tâm đến chồng và gia đình nhà chồng. Nguyên vọng gia đình ông mong Toà án hoà giải khuyên nhủ cho anh T và chị V về đoàn tụ với nhau.

Xác minh tình trạng hôn nhân của chị Nguyễn Thị Thúy V và anh Trần Văn T tại UBND xã H là nơi anh chị đăng ký hộ khẩu thường trú, thì chính quyền địa phương xác nhận chị V và anh Toàn có xảy ra mâu thuẫn, chị V đã đưa con về

nhà bố mẹ đẻ từ năm 2019, không còn chung sống với anh T và gia đình anh T nữa.

Như vậy từ trình bày và thái độ của hai bên trong quá trình giải quyết vụ án đã cho thấy chị V không còn muốn quay về chung sống với anh T nữa. Bên cạnh đó anh T cũng có ý kiến đồng ý ly hôn với chị V và không tham gia hòa giải tại Tòa án.

Từ những căn cứ đó đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị V và anh T hiện nay đã trầm trọng, mâu thuẫn không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; Căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của chị V giải quyết ly hôn với anh T là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị Thúy V và anh Trần Văn T đều xác định vợ chồng có 01 con chung là Trần Nguyễn Hoài A sinh ngày 16/5/2015.

Về phía chị V, chị yêu cầu được nuôi con chung khi ly hôn và không yêu cầu anh T đóng góp tiền nuôi con cho chị; Về phía anh T, anh cũng đồng ý nhường quyền nuôi con cho chị V và không phải đóng góp tiền nuôi con chung cho chị V do công việc của anh không ổn định, thu nhập thấp khi nào thu nhập ổn định thì anh sẽ có trách nhiệm với con. Tòa án lấy ý kiến của cháu Trần Nguyễn Hoài A bố mẹ ly hôn thì nguyện vọng cháu muốn được ở với mẹ.

Thực tế từ khi ly thân đến nay con chung do chị V trực tiếp nuôi dưỡng và cuộc sống của con chung vẫn được đảm bảo mà không có sự đóng góp của anh T; mặc dù được giải thích nhưng chị V vẫn không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị khi ly hôn, bên cạnh đó cháu Hoài A nguyện vọng xin được ở với mẹ. Để đảm bảo cuộc sống ổn định về sinh hoạt, học tập của con chung thì việc giao chị V tiếp tục nuôi con chung và anh T không phải đóng góp tiền nuôi con chung của chị V đề xuất là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thúy V và anh Trần Văn T, đều không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về vấn đề này.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc chị V phải nộp toàn bộ án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật HNGĐ; Điều 147, Điều 228 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Thúy V và anh Trần Văn T.

2/ Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Thúy V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là cháu Trần Nguyễn Hoài A sinh ngày 16/5/2015 đến khi thành niên. Anh Trần Văn T không phải đóng góp tiền cấp

đưỡng nuôi con chung cho chị V. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy V phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số **AA0004559 ngày 06/4/2022** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thế Anh